

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY ĐỨC  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày 06 - 8 - 2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Quang Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-DS ngày 04/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST – DS ngày 02/7/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn M, xã Qu, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị S; địa chỉ: Thôn M, xã Qu, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Th trình bày:*

Ngày 14/01/2019, chị Đỗ Thị Th có cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị S vay số tiền 100.000.000 đồng, chị Th đã giao tiền cho ông T, bà S, hẹn 01 tuần sau sẽ trả, do quen biết nên chị Th không lập giấy cho vay tiền. Đến ngày 20/01/2019, do không bán được đất để trả nợ nên ông T, bà S chỉ trả được số tiền 12.500.000 đồng, còn nợ lại 87.500.000 đồng; hai bên có lập giấy vay đề ngày 14/01/2019, với nội dung: ông T bà S nợ chị Th số tiền 87.500.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn trả nợ 20/01/2020. Số tiền cho vay 87.500.000 đồng trên là tài sản riêng của chị Th, không liên quan gì đến ông Trịnh Quốc Kh – là chồng chị Th.

Đến hạn trả nợ ngày 20/01/2020, chị Th đã nhiều lần đến nhà ông T, bà S yêu cầu trả nợ nhưng ông T, bà S cố tình không trả. Do đó, chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông T, bà S phải trả cho chị Th số tiền gốc là 87.500.000

đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 20/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất theo quy định là 10%/tháng.

Đối với giấy Biên nhận vay tiền (tài sản) đề ngày 14/01/2019, chị Th cam đoan chữ ký và chữ viết tại mục Bên vay là của ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị S và sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu cung cấp chứng cứ sai, không đúng sự thật cho Tòa án

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương xác định: bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị S chưa chuyển hộ khẩu đi đâu nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T, bà S nhưng ông, bà không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án. Do đó, Tòa án huyện Tuy Đức giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

- Toà án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập nhiều lần nhưng không hợp tác; tại phiên tòa vắng mặt không do đó chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Ngày 14/01/2019, chị Đỗ Thị Th có cho ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị S vay số tiền 87.500.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất; thời hạn trả nợ vào ngày 20/01/2020; hai bên có lập giấy Biên nhận vay tiền (tài sản), có chữ ký và chữ viết của ông T, bà S dưới mục bên vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà S đã vi phạm nghĩa vụ, không trả nợ như thỏa thuận; bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho bên cho vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 351, 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Th, buộc ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị S phải trả tổng số tiền 100.923.000 đồng cho chị Đỗ Thị Th, bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 87.500.000 đồng.

- Tiền lãi suất do chậm trả tiền từ ngày 21/01/2020 đến ngày 02/8/2021, mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm:  $(87.500.000 \times 10\%/năm) \times 01 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 13.423.000 \text{ đồng}$ .

Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị S phải chịu 5.046.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện, chị Đỗ Thị Th yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị S phải trả số tiền 87.500.000 đồng đã vay và tiền lãi chậm trả tiền, đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T, bà S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn M, xã Qu, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông, theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: ông T, bà S chưa chuyển hộ khẩu đi đâu nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương; Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông, bà không đến Tòa án làm việc; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T, bà S theo thủ tục chung nhưng ông, bà không hợp tác, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 02/7/2021 và phiên tòa hôm nay, ông T, bà S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Ngày 14/01/2019, chị Đỗ Thị Th có cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị S vay số tiền 100.000.000 đồng nhưng không lập giấy tờ; ngày 20/01/2019, ông T, bà S đã trả được số tiền 12.500.000 đồng, còn nợ lại 87.500.000 đồng nên hai bên có lập giấy vay đề ngày 14/01/2019, với nội dung: ông T bà S nợ chị Th số tiền 87.500.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn trả nợ 20/01/2020. Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa chị Đỗ Thị Th với ông T, bà S được lập thành văn bản, có chữ ký xác nhận của các bên; quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng các đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự; tự nguyện ký kết, thỏa thuận hợp đồng nên giao dịch này là hợp pháp và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện giao dịch, ông T, bà S không trả nợ như đã cam kết nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2]. Đối với yêu cầu trả lãi: Xét thấy, theo giấy mượn tiền ngày 14/01/2019 thể hiện: thời hạn trả nợ là ngày 20/01/2020; tuy nhiên, ông T, bà S không trả nợ như cam kết nên phải chịu lãi suất do chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau: Tiền lãi suất do chậm trả tiền từ ngày 21/01/2020

đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 6 tháng 12 ngày, mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm:  $(87.500.000 \times 10\%/năm) \times 01 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 13.423.000 \text{ đồng}$ .

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Th, buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị S phải trả cho chị Th là tổng số tiền là 100.923.000 đồng (*Một trăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn*), trong đó gồm: tiền gốc 87.500.000 đồng và 13.423.000 đồng tiền lãi chậm trả tiền. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Th được chấp nhận nên ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.046.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 117; khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Th.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị S phải trả cho chị Đỗ Thị Th số tiền 100.923.000 đồng (*Một trăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn*); trong đó gồm: 87.500.000 đồng tiền nợ gốc và 13.423.000 đồng tiền lãi chậm trả tiền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị S phải nộp 5.046.000 đồng (*năm triệu không trăm bốn mươi sáu*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành*

*án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi Cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Phan Quang Trung**